TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 54/2021/HNGĐ-ST Ngày 24/8/2021 V/v hôn nhân gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nhật Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2021:

* Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 19xx

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 19xx

Cùng nơi cư trú: Thôn X, xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt,. Anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện,bản tự khai cùng tài liệu chứng cứ đã xuất trình, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S vào ngày 13/6/2000. Sau khi kết hôn chúng chị sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T thường xuyên rượu chè, đánh vợ con. Chị đã nhiều lần bỏ qua và nhẫn nhịn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, vun vén cho gia đình nhưng không có kết quả. Đến năm 2019 thì vợ chồng chị sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 2 con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 09/5/2001 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 25/02/2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi có thể tự lao động. Từ khi sống ly thân đến nay, chị là người trực tiếp nuôi cháu Phương C. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại Bình Dương, thu nhập bình quân từ

5.000.0000 đồng đến 6.000.000 đồng. Hai mẹ con chị thuê nhà trọ để ở, có đăng ký tạm trú và chị cho cháu Phương C đi học đầy đủ. Nếu được nuôi con chung chị cam kết đủ điều kiện nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Vì dịch bệnh Covid chị đang làm công nhân tại tỉnh Bình Dương không thể đến tham gia tố tụng tại phiên Tòa được, chị xin được xét xử vắng mặt.

** Anh Nguyễn Văn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.*

** Tại biên bản xác minh ngày 22/6/2021, UBND xã S cung cấp như sau:*

- Về nơi cư trú: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N đều có hộ khẩu thường trú tại xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Hiện nay anh T đang sinh sống và làm việc tại xã S còn chị Trần Thị N đi lao động tự do tại thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N kết hôn hợp pháp tại UBND xã S vào ngày 13/6/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống đến khoảng năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Giữa hai vợ chồng anh chị đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và đã có lần gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án sau đó lại quay về đoàn tụ. Đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng anh T, chị N mâu thuẫn trầm trọng, chị N đã bỏ nhà đi. Từ đó đến nay anh T và chị N sống ly thân. Khi chị N gửi đơn xin ly hôn. Đại diện địa phương cùng cán bộ Tòa án đã nhiều lần đến nơi anh T cư trú để làm việc nhưng anh T không có nhà, khóa cổng nên không gặp trực tiếp anh T được. Địa phương được biết anh T ở nhà một mình và thường xuyên đi làm từ sáng sớm đến tối muộn mới về nhà. Đại diện địa phương cùng cán bộ Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để anh T được biết. Khi đại diện UBND xã gặp được trực tiếp anh T thì anh T trình bày: Anh T đã biết việc chị N xin ly hôn và đã nhận được các thông báo của Tòa án, anh T không có ý kiến gì về việc chị N xin ly hôn anh. Tuy nhiên, anh không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án và từ chối trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Về quan hệ con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 09/5/2001 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 25/02/2007. Cháu V đã trưởng thành, đang tham gia nghĩa vụ quân sự, có đủ khả năng lao động. Từ khi vợ chồng anh T, chị N sống ly thân, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C. Do chị N đi lao động tự do trong Bình Dương nên địa phương không nắm rõ thu nhập và chỗ ở của chị N. Đối với anh T có nhà của kiên cố ổn định tại địa phương, hiện nay Tải là lao động tự do địa phương không nắm rõ thu nhập bình quân bao nhiêu tiền một tháng.

- Về tài sản chung: Tài sản chung của anh T và chị N địa phương không nắm rõ.

- Về nợ chung: Không có cá nhân, tổ chức nào có ý kiến về nợ chung của anh T và chị N.

Nay chị N xin ly hôn anh T, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T; Về quan hệ con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 09/5/2001 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 25/02/2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi có thể tự lao động. Ly hôn giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác. Chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đang cư trú tại xã S, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy. Chị Trần Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do chị đang ở tỉnh Bình Dương do ảnh hưởng dịch bệnh Covid không có phương tiện giao thông để về tỉnh Thái Bình. Đối với anh T mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã S, huyện Thái Thụy vào ngày 13/6/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống đến khoảng năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Giữa hai vợ chồng anh chị đã nhiều lần xảy ra xô xát, cãi chửi nhau và đã có lần gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án sau đó lại quay về đoàn tụ. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Nay chị N xin ly hôn anh T, anh T mặc dù đã nhận được các thông báo thụ lý vụ án và các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án và không có văn bản trình bày ý kiến. Chứng tỏ anh T không thiện chí và thiết tha gì việc đoàn tụ cùng chị N. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Anh T và chị N có hai con chung là Nguyễn

Tiến V, sinh ngày 09/5/2001 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 25/02/2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi có thể tự lao động. Hiện nay cháu C đang ở cùng chị N. Ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C. Cháu C cũng có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận nguyện vọng của chị N giao cháu C cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị N, anh T có hai con chung là Nguyễn Tiến V, sinh ngày 09/5/2001 và Nguyễn Phương C, sinh ngày 25/02/2007. Cháu V đã đủ 18 tuổi có thể tự lao động. Ly hôn giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương C. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, các đương sự được quyền thăm nom, chăm sóc con chung và quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, mức cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Khi nào các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003907 ngày 27/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã S.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Văn Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**